ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI QUYẾT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T15XDD

TÊN HỌC PHẦN: NỀN VÀ MÓNG — **HỌC KỲ** 4
MÃ HỌC PHẦN : CIE - 323 — **TÍN CHỈ** 2
Ngày thi: 23/06/2011 — **LẦN THI** 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)									ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
					15			15		15			55	100		
1	**132210154**	HỒ CÔNG	**BÌNH**	T15XDD1	3			6		5.5			6	**5.5**	Naêm phaåy Naêm	
2	**132210927**	BÙI QUANG	**TRỨ**	T15XDD1	0			0		0			HP	**0.0**	Khäng	
3	**142210289**	HUỲNH CHÂU	**VŨ**	T15XDD1	0			0		0			V	**0.0**	Khäng	
4	**152210164**	ĐINH QUANG	**KHÁNH**	T15XDD1	10			7		6			6.2	**6.9**	Saïu phaåy Chên	
5	**152210166**	DƯƠNG QUỐC	**LỊNH**	T15XDD1	10			6		6.5			5.5	**6.4**	Saïu phaåy Bäún	
6	**152210174**	PHAN HOÀI	**TRỊNH**	T15XDD1	0			0		0			7	**3.9**	Ba phaåy Chên	
7	**152210175**	NGUYỄN	**BÌNH**	T15XDD1	7			5		5.5			6.8	**6.4**	Saïu phaåy Bäún	
8	**152210176**	PHẠM XUÂN	**BA**	T15XDD1	10			8		7			6.7	**7.4**	Baíy phaåy Bäún	
9	**152210177**	NGUYỄN ĐÌNH	**HIẾU**	T15XDD1	8			6		5			5.3	**5.8**	Naêm phaåy Taïm	
10	**152210178**	NGUYỄN THÀNH	**DUY**	T15XDD1	10			7		7.5			7	**7.5**	Baíy phaåy Naêm	
11	**152210181**	BÙI VĂN	**LỰC**	T15XDD1	9			4.5		4.5			5.8	**5.9**	Naêm phaåy Chên	
12	**152210182**	NGUYỄN	**HỘP**	T15XDD1	9			6		5			5.2	**5.9**	Naêm phaåy Chên	
13	**152210184**	PHẠM	**TỨ**	T15XDD1	9			6		4.5			3.3	**0.0**	Khäng	
14	**152210185**	HUỲNH KIM	**NAM**	T15XDD1	9			7		5			6.3	**6.6**	Saïu phaåy Saïu	
15	**152210190**	THÁI	**ĐỊNH**	T15XDD1	8			5.5		4.5			5	**5.5**	Naêm phaåy Naêm	
16	**152210193**	NGÔ NHẬT THẾ	**DŨNG**	T15XDD1	9			5.5		6			6	**6.4**	Saïu phaåy Bäún	
17	**152210199**	NGUYỄN MINH	**ĐỨC**	T15XDD1	10			7		7			4.7	**6.2**	Saïu phaåy Hai	
18	**152210200**	LÊ	**QUANG**	T15XDD1	8			4.5		6.5			4.2	**5.2**	Naêm phaåy Hai	
19	**152210203**	NGUYỄN TẤN	**KHÔI**	T15XDD1	8			8		6.5			2	**0.0**	Khäng	
20	**152210206**	NGUYỄN VĂN	**VŨ**	T15XDD1	8			0		5.5			4.8	**4.7**	Bäún phaåy Baíy	
21	**152210207**	NGUYỄN NGỌC	**PHÚ**	T15XDD1	9			6		5.5			3.7	**0.0**	Khäng	
22	**152210209**	TRẦN CÔNG	**DO**	T15XDD1	7			5		5			4.5	**5.0**	Naêm	
23	**152210210**	NGUYỄN NHƯ	**NHẬN**	T15XDD1	10			6		7.5			5.8	**6.7**	Saïu phaåy Baíy	
24	**152210216**	NGUYỄN VĂN	**LONG**	T15XDD1	5			5		4.5			4.8	**4.8**	Bäún phaåy Taïm	
25	**152210220**	PHẠM HOÀNG	**DŨNG**	T15XDD1	5			4.5		4.5			5.7	**5.2**	Naêm phaåy Hai	
26	**152210221**	ĐINH VĂN	**TRƯỜNG**	T15XDD1	10			6.5		6.5			5.7	**6.6**	Saïu phaåy Saïu	
27	**152210224**	NGUYỄN VŨ	**TRƯỜNG**	T15XDD1	7			5		5.5			5.5	**5.7**	Naêm phaåy Baíy	
28	**152210225**	NGUYỄN TRẦN	**TOẢN**	T15XDD1	10			7		7			6	**6.9**	Saïu phaåy Chên	
29	**152210228**	LÊ MINH	**THIỆN**	T15XDD1	10			5.5		6			6.7	**6.9**	Saïu phaåy Chên	
30	**152210231**	NGUYỄN THÀNH	**VIÊN**	T15XDD1	9			5.5		5			4.8	**5.6**	Naêm phaåy Saïu	
31	**152210233**	VÕ NGỌC	**LƯU**	T15XDD1	8			5		5			DC	**0.0**	Khäng	
32	**152210238**	NGUYỄN HỮU	**THỌ**	T15XDD1	10			6		7.5			4.3	**5.9**	Naêm phaåy Chên	
33	**152210240**	THÁI XUÂN	**TRUNG**	T15XDD1	9			5		6			DC	**0.0**	Khäng	
34	**152210241**	TRẦN ĐẠI	**NGHĨA**	T15XDD1	9			6		7.5			4.8	**6.0**	Saïu	
35	**152210246**	HUỲNH VĂN	**TUẤN**	T15XDD1	10			5.5		5.5			5.2	**6.0**	Saïu	
36	**152210249**	PHAN NGỌC	**TIỀN**	T15XDD1	5			0		4			HP	**0.0**	Khäng	
37	**152210250**	NGUYỄN TRƯỜNG	**VINH**	T15XDD1	1			0		4			5.3	**3.7**	Ba phaåy Baíy	
38	**152210253**	NGUYỄN THỊ	**NGỌC**	T15XDD1	7			5.5		8			5.7	**6.2**	Saïu phaåy Hai	
39	**152210257**	NGUYỄN NGỌC	**MINH**	T15XDD1	9			6		6.5			6.7	**6.9**	Saïu phaåy Chên	
40	**152210258**	TRẦN VIỆT	**LINH**	T15XDD1	9			7		7			6.8	**7.2**	Baíy phaåy Hai	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T15XDD

TÊN HỌC PHẦN: NỀN VÀ MÓNG — HỌC KỲ 4
MÃ HỌC PHẦN : CIE - 323 — TÍN CHỈ 2
Ngày thi: 23/06/2011 — LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)									ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
					15			15		15			55	100		
41	152210261	VÕ THANH	QUANG	T15XDD1	9			6.5		5			6	6.4	Saùu phaåy Bäún	
42	152210263	VÕ HỮU	QUYẾT	T15XDD1	5			4.5		4.5			4.3	4.5	Bäún phaåy Nàm	
43	152210269	LÊ KIM	HOÀNG	T15XDD1	8			5.5		6			5.5	6.0	Saùu	
44	152210272	CAO VĂN	BÌNH	T15XDD1	6			5		5			5.5	5.4	Nàm phaåy Bäún	
45	152220331	NGUYỄN TƯỜNG	AN	T15XDD1	3			4		4			5.2	4.5	Bäún phaåy Nàm	
46	152220352	NGÔ TIẾN	HÀ	T15XDD1	8			8		7			2.5	0.0	Khäng	
47	152220363	NGUYỄN THANH	TUẤN	T15XDD1	8			6.5		7			7	7.1	Baíy phaåy Mäüt	
48	152220378	TRẦN ĐÌNH	SANG	T15XDD1	7			5		5.5			5.2	5.5	Nàm phaåy Nàm	
49	132210155	NGUYỄN THANH	BÌNH	T15XDD2	0			0		0			HP	0.0	Khäng	
50	132210223	NGUYỄN ĐỨC	NAM	T15XDD2	8			8		6.5			6.8	7.1	Baíy phaåy Mäüt	
51	142210241	NGUYỄN HỮU	QUỐC	T15XDD2	0			0		0			HP	0.0	Khäng	
52	142210262	TẠ ĐÌNH	THỨC	T15XDD2	6			5		6.5			HP	0.0	Khäng	
53	152210163	ĐẶNG VĂN	NGHĨA	T15XDD2	6			5		6			5.2	5.4	Nàm phaåy Bäún	
54	152210167	PHẠM CÔNG	ĐỨC	T15XDD2	2			0		0			HP	0.0	Khäng	
55	152210169	TRẦN MINH	TUẤN	T15XDD2	0			0		0			HP	0.0	Khäng	
56	152210171	TRẦN HỒNG	QUANG	T15XDD2	9			6.5		7			4.5	5.9	Nàm phaåy Chên	
57	152210172	NGUYỄN	HOÀNG	T15XDD2	0			0		0			HP	0.0	Khäng	
58	152210180	ĐINH PHƯỚC	TOÀN	T15XDD2	9			7		7			6.8	7.2	Baíy phaåy Hai	
59	152210183	NGUYỄN TUẤN	ANH	T15XDD2	10			8		7.5			6.2	7.2	Baíy phaåy Hai	
60	152210187	ĐỖ XUÂN	CƯỜNG	T15XDD2	10			6		8			6	6.9	Saùu phaåy Chên	
61	152210188	NGUYỄN VĂN	THÀNH	T15XDD2	10			8		7.5			5.8	7.0	Baíy	
62	152210189	LÊ HỮU	CƯỜNG	T15XDD2	7			6.5		8			4.3	5.6	Nàm phaåy Saùu	
63	152210191	DƯƠNG HỒNG	THỌ	T15XDD2	8			5		4.5			5.8	5.8	Nàm phaåy Taïm	
64	152210196	TRẦN MINH	THUẬN	T15XDD2	6			4		6.5			5.5	5.5	Nàm phaåy Nàm	
65	152210197	PHAN XUÂN	MINH	T15XDD2	7			5		6			5.7	5.8	Nàm phaåy Taïm	
66	152210198	PHAN UYÊN	VŨ	T15XDD2	9			4.5		5.5			5.5	5.9	Nàm phaåy Chên	
67	152210208	BÙI VĂN	ĐỨC	T15XDD2	9			5		4.5			5.2	5.6	Nàm phaåy Saùu	
68	152210211	ĐẶNG NGỌC	LĨNH	T15XDD2	9			6		7			6.2	6.7	Saùu phaåy Baíy	
69	152210212	NGUYỄN KIM	LONG	T15XDD2	6			7.5		7			4	5.3	Nàm phaåy Ba	
70	152210213	NGUYỄN VĂN ANH	TUẤN	T15XDD2	3			7.5		4.5			4.8	4.9	Bäún phaåy Chên	
71	152210214	NGUUYỄN QUỲNH	KHÁNH	T15XDD2	2			5		4			4	3.9	Ba phaåy Chên	
72	152210215	LƯU SƠN	TRÀ	T15XDD2	8			5.5		5			6.3	6.2	Saùu phaåy Hai	
73	152210217	ĐẶNG QUỐC	GIANG	T15XDD2	9			5		7.5			4	5.4	Nàm phaåy Bäún	
74	152210222	NGUYỄN XUÂN	DŨNG	T15XDD2	8			5		8			7	7.0	Baíy	
75	152210223	TRƯƠNG CÔNG	LUẬN	T15XDD2	8			5		6.5			4	5.1	Nàm phaåy Mäüt	
76	152210226	ĐỖ QUANG	CHÍN	T15XDD2	9			5		6			4	5.2	Nàm phaåy Hai	
77	152210227	TRẦN ÁI	QUỐC	T15XDD2	8			5		7			5.7	6.1	Saùu phaåy Mäüt	
78	152210229	NGUYỄN XUÂN	BÌNH	T15XDD2	7			6		7.5			2.7	0.0	Khäng	
79	152210230	LÊ MINH	HẢI	T15XDD2	0			0		4			HP	0.0	Khäng	
80	152210234	NGUYỄN HỮU	VIỆT	T15XDD2	8			8		7.5			6.8	7.3	Baíy phaåy Ba	
81	152210235	HÀ TẤN	NGHIỆP	T15XDD2	6			5.5		5.5			5.5	5.6	Nàm phaåy Saùu	
82	152210239	TRẦN	MAY	T15XDD2	9			4		5			5.5	5.7	Nàm phaåy Baíy	
83	152210242	VÕ ĐÌNH	BÁCH	T15XDD2	7			6		7.5			4	5.3	Nàm phaåy Ba	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T15XDD

TÊN HỌC PHẦN: NỀN VÀ MÓNG — **HỌC KỲ** 4
MÃ HỌC PHẦN : CIE - 323 — **TÍN CHỈ** 2
Ngày thi: 23/06/2011 — **LẦN THI** 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)									ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
					15			15		15			55	100		
84	**152210243**	NGUYỄN QUỐC	**KHẢI**	T15XDD2	1			0		0			HP	**0.0**	*Khäng*	
85	**152210244**	LÊ THANH	**VŨ**	T15XDD2	8			5.5		7			7.7	**7.3**	*Baíy phaíy Ba*	
86	**152210252**	VÕ TRƯỜNG	**QUỲNH**	T15XDD2	7			5.5		7.5			5.2	**5.9**	*Nàm phaíy Chên*	
87	**152210254**	NGUYỄN HỒNG	**PHONG**	T15XDD2	0			0		0			HP	**0.0**	*Khäng*	
88	**152210256**	TRẦN ĐĂNG	**KHOA**	T15XDD2	6			5.5		6.5			V	**0.0**	*Khäng*	
89	**152210259**	HỒ VĂN	**DŨNG**	T15XDD2	7			5.5		5			5.5	**5.7**	*Nàm phaíy Baíy*	
90	**152210260**	TRẦN VĂN	**DŨNG**	T15XDD2	6			4.5		5			5.8	**5.5**	*Nàm phaíy Nàm*	
91	**152210262**	NGUYỄN TIẾN	**CƯỜNG**	T15XDD2	8			5.5		5			5.3	**5.7**	*Nàm phaíy Baíy*	
92	**152210265**	VÕ TIẾN	**DŨNG**	T15XDD2	2			0		4			HP	**0.0**	*Khäng*	
93	**152210267**	NGUYỄN CÔNG	**QUÂN**	T15XDD2	7			5		5			3.5	**0.0**	*Khäng*	
94	**152210270**	TRẦN BÌNH	**TRUNG**	T15XDD2	8			6.5		5.5			3	**0.0**	*Khäng*	
95	**152220342**	TRẦN THANH	**SƠN**	T15XDD2	7			0		5			5.5	**4.8**	*Bäún phaíy Taïm*	
96	**152220346**	TRẦN THANH	**NHÃ**	T15XDD2	9			5.5		6			6	**6.4**	*Saïu phaíy Bäún*	
97	**152220391**	HÀ VĂN	**LỰC**	T15XDD2	7			5.5		5			6.7	**6.3**	*Saïu phaíy Ba*	
1	**0194**	NGUYỄN VĂN	**HOÀNG**	T14XDD	4			8		4.5			4.2	**4.8**	*Bäún phaíy Taïm*	
2	**4461**	NGUYỄN TRƯỜNG	**HỒNG**	K13XDD3	6			6		4.5			6	**5.8**	*Nàm phaíy Taïm*	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	73	74%	
2	Số sinh viên nợ	26	26%	
TỔNG CỘNG :		**99**	**100%**	

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2011

LẬP BẢNG	KIỂM TRA	LÃNH ĐẠO KHOA	PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
	(ký và ghi rõ họ tên)	*(ký và ghi rõ họ tên)*	*(ký và ghi rõ họ tên)*
Nguyễn Kim Đức	**Trương Văn Tâm**	**ThS. Nguyễn Quốc Lâm**	**ThS. Nguyễn Hữu Phú**